TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:30/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2023
V/v: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Thu

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận**,** Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 964/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 595/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1981
Địa chỉ: xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

2. Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1985
Địa chỉ: xã T, huyện Bi, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2021 gửi Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T bày:

Ông Tú và bà Lê Thị N chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống với nhau không hạnh phúc, hai người chung sống với nhau tại tỉnh Sóc Trăng, thường xuyên cải nhau, bất đồng quan điểm sống, năm 2015, bà Lê Thị N bỏ lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống đến nay. Vì vậy, ông Tú đề nghị Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Tú và bà Lê Thị N.

Về con chung: Có 02 người con chung, tên Huỳnh Thanh Ni C, sinh ngày 30/7/2003, giới tính nam, đã trưởng thành; Huỳnh Thanh Du M, sinh ngày 19/8/2005, giới tính nam. Hiện cả hai con đang sinh sống với ông Tú. Vì vậy, ông Tú xin được

nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Thanh Du M, sinh ngày 19/8/2005, giới tính nam và không yêu cầu bà Lê Thị N cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/12/2022, bị đơn bà Lê Thị N trình bày: Bà và ông Huỳnh Thanh T sống chung từ năm 2002, không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống thường mâu thuẫn, bà đã không còn chung sống với ông Tú từ năm 2015, nay trước yêu cầu không công nhận vợ chồng của ông Tú, bà Nhí cũng đề nghị Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nhí và ông Tú.

Về con chung: Có 02 người con chung, tên Huỳnh Thanh Ni C, sinh ngày 30/7/2003, giới tính nam, đã trưởng thành; Huỳnh Thanh Du M, sinh ngày 19/8/2005, giới tính nam. Hiện cả hai con đang sinh sống với ông Tú. Vì vậy, việc ông Tú xin được nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Thanh Du M, sinh ngày 19/8/2005, giới tính nam bà Nhí đồng ý giao con chung cho ông Tú trực tiếp nuôi dưỡng và bà Lê Thị N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản về việc ghi ý kiến của trẻ Huỳnh Thanh Du M, sinh ngày 19/8/2005 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thì nguyện vọng của trẻ Mi là được chung sống với cha.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T và bị đơn bà Lê Thị N có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử công khai lời trình bày của các đương sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh ông Nguyễn Minh Thuận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định ông Huỳnh Thanh T và bà Lê Thị N chung sống với nhau từ năm 2002 đến nay, không đăng ký kết hôn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T, không công nhân ông Huỳnh Thanh T và bà Lê Thị N là vợ chồng, giao con chung cho ông Huỳnh Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, và ghi nhận sự tự nguyện của ông Tú không yêu cầu bà Nhí cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Huỳnh Thanh T nộp đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng với bà Lê Thị N, tại Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên quá trình thu thập chứng cứ, thể hiện bà Lê Thị N không còn sinh sống tại huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng mà bà Lê Thị N đang cư trú tại địa chỉ xã T, huyện B, Thành phố

Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Thanh T và bà Lê Thị N sống chung với nhau từ năm 2002 đến nay nhưng không làm thủ tục Đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 9 đến Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Huỳnh Thanh T và bà Lê Thị N là hôn nhân không hợp pháp.

Nay ông Huỳnh Thanh T có yêu cầu Toà án không công nhận ông Huỳnh Thanh T và bà Lê Thị N là vợ chồng là có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T.

Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Huỳnh Thanh T và bà Lê Thị N.

[2.2]. Về con chung: Có 02 người con chung, tên Huỳnh Thanh Ni C, sinh ngày 30/7/2003, giới tính nam, đã trưởng thành; Huỳnh Thanh Du M, sinh ngày 19/8/2005, giới tính nam. Hiện cả hai con đang sinh sống với ông Huỳnh Thanh T. Ông Huỳnh Thanh T xin được nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Thanh Du M, sinh ngày 19/8/2005, giới tính nam và bà Lê Thị N có lời khai đồng ý giao con chung cho ông Huỳnh Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Thanh T.

Do Trẻ Huỳnh Thanh Ni C, sinh ngày 30/7/2003, giới tính nam, đã trưởng thành nên muốn sống chung với cha hay mẹ là quyền của trẻ.

Giao con chung tên Huỳnh Thanh Du M, sinh ngày 19/8/2005, giới tính nam cho ông Huỳnh Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của bà Lê Thị N cho đến khi ông Huỳnh Thanh T có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: ông Huỳnh Thanh T và bà Lê Thị N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử cũng không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: ông Huỳnh Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 232, Điều 238; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 10, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 ; Điều 8, Điều 9; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Huỳnh Thanh T và bà Lê Thị N.

2. Về con chung: Có 02 người con chung, tên Huỳnh Thanh Ni C, sinh ngày 30/7/2003, giới tính nam, đã trưởng thành; Huỳnh Thanh Du M, sinh ngày 19/8/2005, giới tính nam. Hiện cả hai con chung đang sinh sống với ông Huỳnh Thanh T. Do Trẻ Huỳnh Thanh Ni C, sinh ngày 30/7/2003, giới tính nam, đã trưởng thành nên muốn sống chung với cha hay mẹ là quyền của trẻ.

Giao con chung tên Huỳnh Thanh Du M, sinh ngày 19/8/2005, giới tính nam cho ông Huỳnh Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của bà Lê Thị N cho đến khi ông Huỳnh Thanh T có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: ông Huỳnh Thanh T và bà Lê Thị N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: ông Huỳnh Thanh T và bà Lê Thị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Huỳnh Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà ông Huỳnh Thanh T đã nộp theo biên lai thu số 0002979 ngày 07/01/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, Ông Huỳnh Thanh T đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.



THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Long Toàn